

NHU CẦU VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG THUỐC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN KRÔNG PA ĐÃ ĐĂNG KÝ VỚI SỞ Y TẾ

GÓI THẦU SỐ 1: GÓI THẦU THUỐC GENERIC

THUỐC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU MUA THUỐC TẬP TRUNG CỦA TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2023-2024

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
1	G1011	1	Albutein 20%	Albumin	20%/ 50ml	Hộp 1chai x 50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	36 tháng	QLSP-900-15	Grifols Biologicals LLC	Mỹ	Chai	859.513	585.000	8	4.680.000	31/08/2023	1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
2	G1013	1	HALIXOL	Ambroxol hydrochloride	30mg	Hộp/2 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	60 tháng	VN-16748-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	1.767	1.500	40.000	60.000.000	31/12/2022	1022031	Công ty cổ phần GONSA
3	G1018	1	Aldan Tablets 10mg	Amlodipin	10mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-15792-12	Polfarmex S.A	Poland	Viên	1.000	680	100.000	68.000.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
4	G1020	1	Moxilen 500mg	Amoxicilin	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	24 tháng	VN-17099-13	Medochemie Ltd-Factory B	Cyprus	Viên	2.400	2.390	20.000	47.800.000	31/12/2022	1022038	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ
5	G1038	1	Candekern 16mg Tablet	Candesartan cilexetil	16mg	Hộp 02 vi x 14 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VN-20455-17	Kern Pharma S.L	Spain	Viên	6.768	6.750	5.000	33.750.000	31/12/2022	1022081	Công ty TNHH TM & DP Tâm Toàn Phát
6	G1045	1	Cepoxitil 200	Cefpodoxim	200mg	H/1 vi/10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-24433-16	CTCP Pymepharco	Việt Nam	Viên	12.135	9.996	5.000	49.980.000	05/03/2023	1022071	Công ty cổ phần Pymepharco
7	G1050	1	Remeclar 500	Clarithromycin	500mg	Hộp 02 vi x 07 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-5163-10	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	18.540	16.480	6.000	98.880.000	03/06/2024	1022081	Công ty TNHH TM & DP Tâm Toàn Phát
8	G1060	1	Seduxen 5mg	Diazepam	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	60 tháng	VN-19162-15	Gedeon Richter Plc	Hungary	Viên	1.260	1.260	2.000	2.520.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
9	G1062	1	Elaria	Diclofenac natri	75mg	Hộp 2 vi x 5 ống	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-16829-13	Medochemie Ltd - Ampoule Injectable Facility	Cyprus	ống	9.000	9.000	2.000	18.000.000	13/12/2022	1022005	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Nguyễn Đức
10	G1068	1	Venokern 500mg Viên nén bao phim	Diosmin + Hesperidin	450mg + 50mg	Hộp 06 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-21394-18	Kern Pharma S.L.	Spain	Viên	3.200	2.980	6.000	17.880.000	31/12/2022	1022081	Công ty TNHH TM & DP Tâm Toàn Phát
11	G1076	1	Ephedrine Aguettant 30mg/ml	Ephedrin hydroclorid	30mg/ ml	Hộp 10 ống x 01ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm	36 tháng	VN-19221-15	Laboratoire Aguettant	France	ống	57.750	57.750	600	34.650.000	09/04/2024	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
12	G1080	1	Roticox 90 mg film-coated tablets	Etoricoxib	90mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-21718-19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	15.200	13.986	5.000	69.930.000	16/04/2024	1022040	Công ty cổ phần dược phẩm Hưng Phúc
13	G1081	1	Famogast	Famotidin	40mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-20054-16	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	Poland	Viên	3.200	3.000	10.000	30.000.000	27/06/2022	1022038	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
14	G1082	1	Berodual	Fenoterol hydrobromide + ipratropium bromide	(0,05mg + 0,02mg)/ liều, 10ml	Hộp 1 bình xịt 200 nhát xịt (10ml)	Dung dịch khí dung	Xịt	24 tháng	VN-17269-13	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG.	Đức	Bình	132.323	132.323	100	13.232.300	31/12/2022	1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
15	G1084	1	Fentanyl B.Braun 0.1mg/2ml	Fentanyl	0,1mg/ 2ml	Hộp 10 ống thủy tinh 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-22494-20	B.Braun Melsungen AG	Germany	ống	13.700	12.999	600	7.799.400	16/01/2023	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
16	G1094	1	Gliclada 60mg modified-release tablets	Gliclazid	60mg	Hộp/ 2 vỉ x 15 viên	Viên nén giải phóng kéo dài	Uống	24 tháng	VN-21712-19	KRKA, D.d., Novo Mesto	Slovenia	Viên	5.150	4.830	6.500	31.395.000	16/04/2024	1022052	Cty CP Dược Medipharco
17	G1100	1	IBUPROFEN STELLA 600MG	Ibuprofen	600mg	Hộp/6 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-26564-17	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.650	2.500	1.000	2.500.000	31/12/2022	1022031	Công ty cổ phần GONSA
18	G1103	1	Diuresin SR	Indapamid	1,5mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nén bao phim giải phóng kéo dài	Uống	24 tháng	VN-15794-12	Polfarmex S.A	Poland	Viên	3.050	3.050	5.000	15.250.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
19	G1107	1	Scilin R	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	40UI/1ml, 10ml	Hộp 01 lọ x 10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	QLSP-0650-13	Bioton S.A	Poland	Lọ	104.000	103.000	100	10.300.000	19/03/2024	1022059	Công ty Cổ phần Dược phẩm Nam Hà
20	G1109	1	POLHUMIN MIX-2	Insulin người trộn, hỗn hợp	(20/80): 100 UI/ml, 3ml	Hộp 5 ống x 3ml	Hỗn dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	QLSP-1112-18	Tarchomin Pharmaceutical Works "Polfa" S.A	Ba Lan	ống	152.000	152.000	100	15.200.000	31/12/2022	1022031	Công ty cổ phần GONSA
21	G1115	1	Nadecin 10mg	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-17014-13	S.C.Arena Group S.A	Romania	Viên	2.600	2.600	500	1.300.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
22	G1117	1	Bixebra 7.5 mg	Ivabradin	7,5mg	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-22878-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	10.200	10.100	500	5.050.000	16/04/2024	1022039	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
23	G1120	1	Ketamine Hydrochloride Injection	Ketamin	500mg / 10ml	Hộp 25 lọ x 10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	60 tháng	VN-20611-17	Panpharma GmbH (Tên cũ: Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk)	Germany	Lọ	65.360	60.800	8	486.400	28/11/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
24	G1125	1	Lercatop 10mg	Lercanidipin hydroclorid	10mg	Hộp 2 vỉ x14 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-20717-17	Balkanpharma-Dupnitsa AD	Bulgaria	Viên	10.500	8.350	100	835.000	31/12/2022	1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
25	G1137	1	Losartan HCT - Sandoz	Losartan kali + hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	hộp 2 vỉ x 10 viên	viên nén bao phim	uống	36 tháng	VN-20795-17	Lek pharmaceuticals d.d	Slovenia	viên	6.000	4.599	5.000	22.995.000	09/03/2023	1022072	Công ty TNHH Dược phẩm Quang Anh
26	G1138	1	Orgametril	Lynestrenol	5mg	Hộp 1 vỉ x 30 viên	Viên nén	Uống	60 tháng	VN-21209-18	N.V. Organon	Hà Lan	Viên	2.070	2.070	1.000	2.070.000	31/12/2022	1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
27	G1145	1	Midazolam B. Braun 5mg/ml	Midazolam	5mg/ ml	Hộp 10 ống 1ml	Dung dịch tiêm, truyền tĩnh mạch	Tiêm	36 tháng	VN-21177-18	B.Braun Melsungen AG	Germany	ống	20.100	18.900	20	378.000	16/01/2023	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
28	G1151	1	ACC 200mg Sus. 50's	N-Acetylcystein	200mg	Hộp 50 gói	Bột pha dung dịch uống	Uống	24 tháng	VN-19978-16	Lindopharm GmbH; Xuất xưởng: Salutas Pharma GmbH	Đức	Gói	2.677	1.618	20.000	32.360.000	31/12/2022 (Xuất xưởng: 05/03/2023)	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
29	G1152	1	Naloxone-hameln 0.4mg/ml Injection	Naloxon hydroclorid	0,4mg/ 1ml	H/10 ống x 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-17327-13	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ống	44.000	43.995	20	879.900	03/12/2023	1022016	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha
30	G1159	1	Neo-Tergynan	Neomycin + Nystatin + Metronidazole	65.000 IU + 100.000IU + 500mg	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên nén đặt âm đạo	Đặt âm đạo	36 tháng	VN-18967-15	Sophartex	Pháp	Viên	11.880	11.880	500	5.940.000	10/01/2023	1022103	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà
31	G1160	1	Neostigmine-hameln	Neostigmin metylsulfat (bromid)	0,5mg/ ml	H/10 ống x 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	VN-22085-19	Siegfried Hameln GmbH	Germany	ống	12.800	12.800	100	1.280.000	03/12/2023	1022016	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha
32	G1161	1	Smoflipid 20%	Nhũ dịch lipid	20% / 100ml	Thùng 10 chai 100ml	Nhũ tương truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	18 tháng	VN-19955-16	Fresenius Kabi Austria GmbH	Austria	Chai	118.000	99.000	10	990.000	01/06/2023	1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
33	G1163	1	Nicardipine Aguettant 10mg/10ml	Nicardipin hydroclorid	10mg/ 10ml	Hộp 10 ống x 10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	24 tháng	VN-19999-16	Laboratoire Aguettant	Pháp	ống	125.000	124.999	50	6.249.950	09/04/2024	1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
34	G1173	1	OXYTOCIN	Oxytocin	5IU/ ml	Hộp 20 vi x 5 ống 1 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-20167-16	Gedeon Richter Plc.	Hungary	ống	6.736	4.700	14.420	67.774.000	31/12/2022	1022009	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
35	G1174	1	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin	10UI	Hộp 10 ống x 1 ml	Dung dịch tiêm/truyền tĩnh mạch	Tiêm/truyền tĩnh mạch	36 tháng	VN-20612-17	Panpharma GmbH	Germany	ống	10.000	9.350	5.000	46.750.000	28/11/2022	1022081	Công ty TNHH TM & DP Tâm Toàn Phát
36	G1176	1	Codalgin Forte	Paracetamol + codein phosphat	500mg + 30mg	Hộp 02 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-22611-20	Aspen Pharma Pty Ltd	Australia	Viên	3.390	3.100	6.500	20.150.000	28/06/2022	1022081	Công ty TNHH TM & DP Tâm Toàn Phát
37	G1184	1	Dicellnase	Piroxicam	20mg	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VN-19810-16	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A	Bồ Đào Nha	Viên	7.245	5.145	2.500	12.862.500	31/12/2022	1022058	Công ty cổ phần Dược Nam Đồng
38	G1193	1	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Propofol	1% / 20ml	Hộp 5 ống 20ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	áo	ống	88.001	25.240	30	757.200	01/06/2023	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
39	G1197	1	Ramipril 5mg Tab 2x10's	Ramipril	5mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VN-22443-19	Lek S.A	Ba Lan	viên	2.915	2.650	10.000	26.500.000	12/08/2023	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
40	G1201	1	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium bromid	50mg/ 5ml	Hộp 10 lọ x 5ml	Dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm hoặc Truyền tĩnh mạch	36 tháng	VN-22745-21	Fresenius Kabi Austria GmbH	áo	Lọ	87.300	46.300	10	463.000	01/06/2023	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
41	G1203	1	Ventolin Nebules 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Salbutamol sulfat	2,5mg/ 2,5ml	Hộp 6 vi x 5 ống 2,5ml	Dung dịch khí dung	Dùng cho máy khí dung	36 tháng	VN-20765-17	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	úc	ống	5.754	4.575	1.500	6.862.500	27/08/2022	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
42	G1211	1	Sucrate gel	Sucralfat	1g/5ml	Hộp 30 túi 5ml	Hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VN-13767-11	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A.	Italy	Túi	7.500	7.400	5.000	37.000.000	31/12/2022	1022045	Công ty TNHH MTV Thương Mại Dược Phẩm Khang Huy
43	G1224	1	Volulyte 6% Bag 20's	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	6%/ 500ml	Thùng 20 túi 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	36 tháng	VN-19956-16	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Túi	117.000	83.900	20	1.678.000	05/11/2024	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
44	G1231	1	Valsacard	Valsartan	160mg	Hộp 4 vi x 7 viên	Viên nén bao phim	Uống	24 tháng	VN-17144-13	Polfarmex S.A	Poland	Viên	12.000	6.990	5.000	34.950.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPC1
45	G1234	1	Milgamma N	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 1mg	Hộp 5 ống 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-17798-14	Solupharm Pharmazeutische Erzeugnisse GmbH	Đức	ống	21.000	21.000	1.500	31.500.000	31/12/2022	1022085	Công ty Cổ phần TMDV Thăng Long
46	G1235	2	SaViLeucin	Acetyl leucin	500mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-29126-18	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.200	2.200	2.000	4.400.000	31/12/2022	1022039	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
47	G1237	2	Hepagold	Acid amin	8% / 250ml	Thùng carton chứa 10 túi 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	24 tháng	VN-21298-18	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi	110.000	91.500	30	2.745.000	09/10/2022	1022098	Công ty Cổ phần Dược phẩm Quốc tế - UK Pharma
48	G1241	2	AlphaDHG	Alpha chymotrypsin	4,2mg	hộp 2 vi x 10 viên	viên nén	uống	24 tháng	VD-20546-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	1.050	594	100.000	59.400.000	17/08/2023	1022034	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
49	G1245	2	Amitriptyline Hydrochloride 10mg	Amitriptylin hydroclorid	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-29098-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	1.450	1.450	1.000	1.450.000	31/12/2022	1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
50	G1246	2	Amdepin Duo	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-20918-18	Cadila Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Viên	4.400	3989,799	5.000	19.948.995	17/11/2022	1022023	Công ty Cổ phần Dược -Vật tư Y tế Đắk Lắk
51	G1249	2	Lavezzi-5	Benazepril hydroclorid	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-28471-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	4.500	3.000	5.000	15.000.000	28/05/2024	1022037	Công ty TNHH Dược phẩm và trang thiết bị y tế Hoàng Đức
52	G1251	2	SaviProlol Plus HCT 2.5/6.25	Bisoprolol fumarat + hydroclorothiazid	2,5mg + 6,25mg	Hộp 3 vi x 10 viên (vi nhòm - nhòm)	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-20813-14	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	2.800	2.200	5.000	11.000.000	31/12/2022	1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
53	G1252	2	Regivell	Bupivacain hydroclorid	0,5%/ 4ml	Hộp 1 vi x 5 ống 4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-21647-18	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	ống	30.140	19.500	200	3.900.000	30/10/2024	1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
54	G1253	2	CALCIUM STELLA 500MG	Calci carbonat + calci gluconolactat	300mg + 2.940mg	Hộp/1 tuýp x 20 viên	Viên nén sùi bọt	Uống	24 tháng	VD-27518-17	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	3.520	3.500	2.000	7.000.000	31/12/2022	1022031	Công ty cổ phần GONSA
55	G1257	2	Cefaclor Stada 500mg capsules	Cefaclor	500mg	Hộp/02vi/10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-26398-17	Công Ty Cổ Phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	11.150	8.030	120.000	963.600.000	05/03/2023	1022074	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
56	G1260	2	Imenir 125 mg	Cefdinir	125mg	Hộp 12 gói x 2 g	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-27893-17	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương.	Việt Nam	Gói	12.285	12.000	10.000	120.000.000	31/12/2022	1022094	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dược Tuệ Nam
57	G1264	2	Cemitaz 1g	Cefmetazol	1g	H/10 lọ	Bột pha tiêm	Tiêm	24 tháng	VD-29347-18	CTCP Pymepharco	Việt Nam	Lọ	80.000	47.000	3.000	141.000.000	31/12/2022	1022071	Công ty cổ phần Pymepharco
58	G1279	2	Enalapril Stella 10mg	Enalapril maleat	10mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-21768-14	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.000	495	12.800	6.336.000	31/12/2022	1022047	Công ty TNHH Dược Phẩm Khương Duy
59	G1280	2	EBITAC 12.5	Enalapril maleate+hydrochlorothiazid	10mg + 12,5mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VN-17895-14	Farmak JSC	Ukraine	Viên	3.550	3.548	10.000	35.480.000	24/05/2024	1022031	Công ty cổ phần GONSA
60	G1281	2	EBITAC FORTE	Enalapril maleate + hydrochlorothiazid	20mg + 12,5mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VN-17896-14	Farmak JSC	Ukraine	Viên	3.900	3.850	10.000	38.500.000	24/05/2024	1022031	Công ty cổ phần GONSA
61	G1282	2	Savi Eperisone 50	Eperison HCl	50mg	Hộp 5 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-21351-14	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	2.150	512	10.000	5.120.000	31/12/2022	1022078	Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI
62	G1288	2	GLIPTIS 5	Glipizid	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-21805-19	Zim Laboratories Limited	ấn Độ	Viên	3.200	2.950	10.000	29.500.000	31/12/2022	1022075	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sagophar
63	G1289	2	IRBEZYD H 300/12.5	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 12,5mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-15749-12	Cadila Healthcare Ltd.	ấn Độ	Viên	8.000	3.479	5.000	17.395.000	31/12/2022	1022009	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
64	G1290	2	Irbezyd H 300/25	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 25mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VN-15750-12	Cadila Healthcare Ltd.	India	Viên	11.130	10.920	5.000	54.600.000	31/12/2022	1022062	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang
65	G1296	2	Auroliza 30	Lisinopril dihydrate	30mg	Hộp 2 vi x 14 viên	Viên nén	Uống	48 tháng	VN-22716-21	Aurobindo Pharma Ltd.	India	Viên	5.700	5.691	5.000	28.455.000	05/07/2022	1022062	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nam Khang
66	G1297	2	Lostad T100	Losartan kali	100mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-23973-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	4.400	2.100	10.000	21.000.000	31/12/2022	1022047	Công ty TNHH Dược Phẩm Khương Duy
67	G1299	2	SaVi Mesalazine 500	Mesalazin (mesalamin)	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	36 tháng	VD-35552-22	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	8.000	8.000	2.000	16.000.000	31/12/2022	1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
68	G1302	2	Pdsolone-40mg	Methyl prednisolon	40mg	Hộp 1 lọ	Bột pha tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-21317-18	Swiss Parenterals Pvt., Ltd.	ấn Độ	Lọ	30.000	27.000	3.000	81.000.000	28/02/2023	1022089	Công ty TNHH MTV Dược Trí Tín Hải
69	G1309	2	Paracetamol 500	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Hộp 4 vi xé x 4 viên	Viên nén sủi bọt	Uống	24 tháng	VD-31850-19	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	1.700	1.300	260.000	338.000.000	31/12/2022	1022078	Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVI

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
70	G1310	2	SaViMetoc	Paracetamol + methocarbamol	325mg+400mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-30501-18	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	3.050	3.050	6.500	19.825.000	31/12/2022	1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương - CPC1
71	G1312	2	Fasthan 20	Pravastatin natri	20mg	Hộp 03 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-28021-17	Công ty cổ phần dược phẩm Sa Vi (Savipharm J.S.C)	Việt Nam	Viên	7.150	7.150	1.000	7.150.000	31/12/2022	1022057	Công ty TNHH Nacopharm Miền Nam
72	G1313	2	Fresofol 1% Mct/Lct Inj 20ml 5's	Propofol	1% / 20ml	Hộp 5 ống 20ml	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	36 tháng	VN-17438-13	Fresenius Kabi Austria GmbH	áo	ống	88.001	25.240	20	504.800	01/06/2023	1022026	Công ty Cổ phần dược liệu Trung Ương 2
73	G1322	2	Momencef 375mg	Sultamicillin (Ampicilin + sulbactam)	375mg	Hộp 2vi x 7 viên	Viên nén bao phim	Uống	24 tháng	VD-31721-19	CN Cty CPDP Imexpharm- Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	14.000	13.500	5.000	67.500.000	31/12/2022	1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
74	G1323	2	Telma 80H	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg+12,5mg	Hộp lớn x 10 hộp nhỏ x 1 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-22152-19	Glenmark Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	8.000	7.791	5.000	38.955.000	31/12/2022	1022061	Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Dược Nam Hùng
75	G1327	2	Trenzamin 500mg inj.	Tranexamic acid	500mg/5ml	Hộp 10 ống x 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VN-21975-19	Jeil Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	ống	18.000	10.700	200	2.140.000	15/04/2024	1022060	Công ty TNHH Dược Phẩm Nam Hân
76	G1331	2	VITAMIN C STELLA 1G	Vitamin C	1g	Hộp/4 vi x 4 viên	Viên nén sủi bọt	Uống	24 tháng	VD-25486-16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	1.900	1.900	20.000	38.000.000	31/12/2022	1022031	Công ty cổ phần GONSA
77	G1333	3	Clanzacr	Acceflofenac	200mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim phóng thích có kiểm soát	Uống	36 tháng	VN-15948-12	Korea United Pharm. Inc.	Hàn Quốc	Viên	6.990	6.950	2.000	13.900.000		1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
78	G1335	3	Vigentin 875mg/125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Hộp 2 vi nhóm - nhóm x 7 viên	Viên nén bao phim	Uống	24 tháng	VD-21898-14	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 1 - Pharbaco	Việt Nam	Viên	10.000	4.350	100.000	435.000.000		1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
79	G1338	3	Vizicin 125	Azithromycin	125mg	Hộp 30 gói x 1,5g	thuốc bột pha hỗn dịch uống	uống	36 tháng	VD-22344-15	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	gói	2.700	2.688	5.000	13.440.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
80	G1339	3	Ceplorvpc 500	Cefaclor	500mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-29712-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Viên	11.000	8.600	140.000	1.204.000.000		1022019	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long
81	G1340	3	Pyfador kid	Cefaclor	125mg	H/24 gói x 2g	Thuốc cốm	Uống	36 tháng	VD-26427-17	CTCP Pympharco	Việt Nam	Gói	4.540	3.830	120.000	459.600.000		1022071	Công ty cổ phần Pympharco
82	G1343	3	Osvimec 300	Cefdinir	300mg	Hộp 1 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-22240-15	Công ty Cổ phần Dược Phẩm TV Pharm	Việt Nam	Viên	11.000	10.700	5.000	53.500.000		1022093	Công ty TNHH Dược Phẩm Tự Đức
83	G1347	3	CEBEST	Cefpodoxim	100mg	Hộp 20 gói x 3g	Cốm pha hỗn dịch	Uống	30 tháng	VD-28341-17	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Gói	8.800	7.900	10.000	79.000.000		1022068	Công ty Cổ Phần Dược Pha Nam
84	G1350	3	Ciprofloxacine	Ciprofloxacine	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-30407-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.420	778	12.000	9.336.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
85	G1352	3	Artreil	Diacerein	50mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-28445-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	6.500	1.800	2.000	3.600.000		1022053	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Ta
86	G1353	3	Drotusc Forte	Drotaverin clohydrat	80mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24789-16	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di舜	Việt Nam	Viên	1.050	1.008	100.000	100.800.000		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
87	G1356	3	Enicar 10	Enalapril maleat	10mg	Hộp/3 vi/10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-27305-17	Công Ty Cổ Phần Pympharco	Việt Nam	Viên	1.600	1.410	6.500	9.165.000		1022074	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị
88	G1357	3	STADNEX 40 CAP	Esomeprazol	40mg	Hộp/4 vi x 7 viên	Viên nang cứng	Uống	24 tháng	VD-22670-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	7.500	6.700	5.000	33.500.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
89	G1358	3	Mibeplen 5mg	Felodipin	5mg	Hộp 3 vi x 10 viên	viên nén bao phim tác dụng kéo dài	uống	36 tháng	VD-25036-16	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	viên	3.500	1.050	10.000	10.500.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
90	G1361	3	MELANOV-M	Gliclazid + metformin hydroclorid	80mg+500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN-20575-17	Micro Labs Limited	ấn Độ	Viên	3.900	3.770	25.900	97.643.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
91	G1362	3	Glimepiride Stella 4mg	Glimepirid	4mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-23969-15	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.700	950	5.000	4.750.000		1022047	Công ty TNHH Dược Phẩm Khương Duy
92	G1363	3	Diaprid 2	Glimepirid	2mg	H/2 vi/15 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24959-16	CTCP Pympharco	Việt Nam	Viên	2.440	1.100	5.000	5.500.000		1022071	Công ty cổ phần Pympharco
93	G1365	3	IRBESARTAN STELLA 300 MG	Irbesartan	300mg	Hộp/2 vi x 14 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-18533-13	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	6.800	4.970	5.000	24.850.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
94	G1366	3	Imidu® 60 mg	Isosorbid - 5 - mononitrat	60mg	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	viên nén tác dụng kéo dài	uống	60 tháng	VD-33887-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	2.500	1.953	500	976.500		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
95	G1369	3	SaVi Losartan 50	Losartan kali	50mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-29122-18	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	2.480	680	5.000	3.400.000		1022078	Công ty Cổ phần Dược phẩm SAVA
96	G1371	3	Glipexform 500/5	Metformin HCl + Glibenclamid	500mg + 5mg	Hộp/2 vi/15 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-34024-20	Công Ty Cổ Phần Pympharco	Việt Nam	Viên	2.900	2.240	16.400	36.736.000		1022074	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị
97	G1372	3	Methyl prednisolon 16	Methyl prednisolon	16mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-20763-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	2.650	840	2.800	2.352.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
98	G1373	3	Menison 4mg	Methyl prednisolon	4mg	H/3 vi/10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-23842-15	Công Ty Cổ Phần Pympharco	Việt Nam	Viên	1.000	850	100.000	85.000.000		1022074	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị
99	G1377	3	Dopagan® 500mg	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	48 tháng	VD-26461-17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	700	226	268.000	60.568.000		1022025	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
100	G1378	3	Hapacol 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	hộp 24 gói x 1,5g	thuốc bột sủi bọt	uống	36 tháng CV 411/QLĐ-DK ngày 11/1/2016	VD-21137-14	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	gói	1.995	744	140.000	104.160.000		1022034	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang
101	G1386	3	SaVi Valsartan Plus HCT 80/12,5	Valsartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-23010-15	Công ty CP Dược phẩm SaVi	Việt Nam	Viên	8.000	7.450	5.000	37.250.000		1022039	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
102	G1388	4	Aleucin 500mg/5ml	Acetyl leucin	500mg/5ml	Hộp 10 ống x 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-32998-19	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ống	13.734	12.999	1.000	12.999.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
103	G1389	4	Aspirin 100	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylat)	100mg	Hộp 12 gói x 1,5 g	Thuốc bột	Uống	24 tháng	VD-32920-19	Công ty cổ phần dược phẩm Trường Thọ	Việt Nam	Gói	2.500	2.000	1.000	2.000.000		1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
104	G1392	4	Acylovir	Aciclovir	0,25g, 5g	Hộp 1 tub 5g	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	36 tháng	VD-24956-16	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	9.500	3.800	500	1.900.000		1022052	Cty CP Dược Medipharco
105	G1393	4	Agiclovir 200	Aciclovir	200mg	Hộp 2 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-25603-16	CN Công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	2.000	420	10.000	4.200.000		1022001	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Agimexpharm
106	G1400	4	Alzental	Albendazol	400mg	Hộp 10 vi x 1 viên	Viên nén bao phim	Uống	60 tháng	VD-18522-13	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Viên	4.200	1.830	1.000	1.830.000		1022079	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo
107	G1401	4	Thelizin	Alimemazin	5mg	Chai 500 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-24788-16	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	362	84	58.100	4.880.400		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
108	G1411	4	Zoamco - A	Amlodipin + atorvastatin	5mg + 10mg	H/2vi/10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-14521-11	Công Ty Cổ Phần Pympharco	Việt Nam	Viên	3.690	3.250	6.500	21.125.000		1022074	Công Ty Cổ Phần Dược Vật Tư Y Tế Quảng Trị
109	G1414	4	AUGXICINE 250mg/31,25mg	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Hộp 10 gói 0,8g	thuốc bột	Uống	24 tháng	VD-17976-12	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	gói	4.880	1.050	12.000	12.600.000		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
110	G1415	4	AUGXICINE 625	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Hộp 6 vi x 10 viên bao phim	viên bao phim	Uống	24 tháng	VD-22533-15	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	viên	4.980	1.575	7.000	11.025.000		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
111	G1417	4	Clamogentin 1,2g	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 200mg	Hộp 10 lọ	Bột Pha Tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-27141-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	35.490	28.500	2.000	57.000.000		1022017	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương CPCI
112	G1421	4	Atorvastatin 20	Atorvastatin	20mg	Chai 1000 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-21313-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.600	168	6.000	1.008.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
113	G1422	4	Atropin Sulfat	Atropin sulfat	0,25mg/ ml	Hộp 100 ống x 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-24897-16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	780	430	600	258.000		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
114	G1427	4	ENTEROGOLDS	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	Hộp 6 vi x 10 Viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	QLSP-955-16	Công ty Cổ phần Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Viên	4.000	2.715	120.000	325.800.000		1022009	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
115	G1428	4	ENTEROGRAN	Bacillus clausii	1.10 ⁹ - 2.10 ⁹	Hộp 20 gói x 1g	Thuốc bột	Uống	36 tháng	QLSP-954-16	Công ty Cổ phần Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Gói	5.500	3.360	30.000	100.800.000		1022009	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre
116	G1430	4	Mezaterol 20	Bambuterol hydroclorid	20mg	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-25696-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	3.300	1.974	10.000	19.740.000		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
117	G1433	4	Berberin	Berberin (hydroclorid)	100mg	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	24 tháng	VD-19319-13	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	1.260	483	26.000	12.558.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
118	G1435	4	BISNOL	Bismuth oxyd	120mg	Hộp/6 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-28446-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	3.950	3.950	10.000	39.500.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
119	G1437	4	BENITA	Budesonid	64mcg / liều xịt, lọ 120 liều	Hộp 1 lọ 120 liều	Hỗn dịch xịt mũi	Xịt mũi	24 tháng	VD-23879-15	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	100.000	90.000	100	9.000.000		1022068	Công ty Cổ Phần Dược Pha Nam
120	G1439	4	Calcium Hasan 250mg	Calci carbonat + calci gluconolactat	150mg + 1470mg	Hộp 1 tuýp 12 viên	viên nén sủi bọt	uống	36 tháng	VD-28536-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.800	1.785	3.000	5.355.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
121	G1441	4	CALCI CLORID 0,5g/5ml	Calci clorid dihydrat	500mg/ 5ml	Hộp 100 ống 5ml	dung dịch tiêm	Tiêm	60 tháng	VD-25784-16	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ống	1.900	840	280	235.200		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
122	G1442	4	Letbaby	Calci glucoheptonat + vitamin D3	(550mg + 200UI)/ 5ml	Hộp 20 ống x 5ml	Dung dịch uống	Uống	24 tháng	VD-22880-15	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	ống	3.680	3.679	5.000	18.395.000		1022053	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Me Ta
123	G1444	4	A.T CALCIUM 300	Calci lactat	300mg	Hộp/10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-29682-18	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	1.750	720	3.500	2.520.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
124	G1448	4	Ocedetan 8/12,5	Candesartan cilexetil + hydrochlorothiazid	8mg+12,5mg	Hộp 2 túi x 5 vi x 10 viên (Hộp 100 viên), Hộp 1 túi x 5 vi x 10 viên (Hộp 50 viên)	Viên nén phân tán	Uống	24 tháng	VD-34355-20	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.880	2.499	5.000	12.495.000		1022067	Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Và Dược Phẩm Nguyên Phát
125	G1449	4	Captopril	Captopril	25mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-32847-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	450	108	350.000	37.800.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
126	G1456	4	Cefacyl 250	Cefalexin	250mg	Hộp 30 gói x 3g	Thuốc bột uống	Uống	36 tháng	VD-24145-16	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long	Việt Nam	Gói	1.000	735	53.000	38.955.000		1022019	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Cửu Long
127	G1461	4	CEFOVIDI	Cefotaxim	1g	Hộp 10 lọ 1g	thuốc bột tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-31975-19	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	lọ	12.600	5.355	15.000	80.325.000		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
128	G1465	4	POXIMVID	Ceftazidim	1g	Hộp 10 lọ 1g	thuốc bột tiêm	Tiêm	24 tháng	VD-19491-13	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	lọ	36.000	9.849	8.000	78.792.000		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
129	G1475	4	Devitoc 200mg	Celecoxib	200mg	Hộp 1 tuýp 20 viên	Viên nén sủi	Uống	36 tháng	VD-19427-13	Công ty cổ phần Dược phẩm Phương Đông	Việt Nam	Viên	6.000	4.400	40.000	176.000.000		1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
130	G1477	4	Kacerin	Cetirizin dihydroclorid	10mg	Chai 1000 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-19387-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	250	54	96.990	5.237.460		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
131	G1478	4	Clorpheniramin 4mg	Chlorpheniramin (hydrogen maleat)	4mg	Chai 1000 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-34186-20	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	80	40	344.352	13.774.080		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
132	G1484	4	Ciprofloxacin 0,3%	Ciprofloxacin	0,3%/ 5ml	Hộp 20 lọ 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	24 tháng	VD-22941-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	4.700	1.989	200	397.800		1022054	Công ty CPDP Minh Dân
133	G1493	4	Cloxacilin 1g	Cloxacilin	1g	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Thuốc bột pha tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-30589-18	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	42.000	40.000	2.000	80.000.000		1022099	Công ty TNHH Dược phẩm Vạn Cường Phát
134	G1497	4	Alcool 70°	Cồn 70°	70 độ/ 60ml	Chai 60ml	Cồn thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	36 tháng	VD-31793-19	Chi nhánh công ty CPDP OPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	4.962	3.390	5.477	18.567.030		1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
135	G1498	4	HORNOL	Cytidin-5monophosphat disodium + uridin monophosphat disodium	5mg + 3mg	Hộp/3 vi x 10 viên	Viên nang	Uống	36 tháng	VD-16719-12	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	5.500	3.990	10.000	39.900.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
136	G1502	4	Dexamethasone	Dexamethason phosphat	4mg/ 1ml	Hộp 1 vi x 10 ống 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD - 27152 - 17	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	1.250	723	100	72.300		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
137	G1513	4	LUFOGEL	Diocetahedral smectit	3g/20ml	Hộp/20 gói x 20ml	Hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VD-31089-18	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Gói	6.500	5.500	1.950	10.725.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
138	G1514	4	Cezmeta	Diosmectit	3g	Hộp 30 gói x 3,76g	Thuốc bột uống	Uống	36 tháng	VD-22280-15	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	gói	3.077	730	1.440	1.051.200		1022052	Cty CP Dược Medipharco
139	G1516	4	Dimedrol	Diphenhydramin HCl	10mg/ml	Hộp 100 ống x1ml	Dung dịch thuốc tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-23761-15	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ống	800	485	1.000	485.000		1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
140	G1518	4	Domperidon	Domperidon	10mg	Chai 200 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-28972-18	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	300	62	54.800	3.397.600		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
141	G1520	4	Doxycyclin 100 mg	Doxycyclin	100mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-28382-17	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	940	520	1.000	520.000		1022025	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
142	G1531	4	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	1mg/ ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	30 tháng	VD-27151-17	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	3.850	1.268	600	760.800		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
143	G1532	4	Nanokine 2000 IU	Erythropoietin	2.000UI	Hộp 1 lọ dung dịch tiêm 1ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	QLSP-920-16	Công ty cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Lọ	160.000	120.000	1.000	120.000.000		1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
144	G1537	4	Atifamodin 20 mg	Famotidin	20mg	Hộp 5 lọ + 5 ống dung môi 5ml	Thuốc tiêm đông khô	Tiêm	30 tháng	VD-34130-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	Lọ	42.000	35.490	1.000	35.490.000		1022006	Công Ty TNHH Dược Phẩm AT & C
145	G1541	4	Mezapizin 10	Flunarizin	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24224-16	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di舜	Việt Nam	Viên	950	357	7.745	2.764.965		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
146	G1548	4	Furosol	Furosemid	20mg/ 2ml	Hộp 10 ống x 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	VD-24683-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ống	3.780	625	111	69.375		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha
147	G1549	4	Vinzix	Furosemid	40mg	Hộp 5 vi x 50 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD - 28154 - 17	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	250	93	1.375	127.875		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
148	G1553	4	Gentamicin 0,3%	Gentamicin	0,3%/ 5ml	Hộp 1 lọ 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	24 tháng	VD-19546-13	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	2.800	1.995	954	1.903.230		1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
149	G1555	4	GENTAMICIN 80mg/2ml	Gentamicin	80mg/ 2ml	Hộp 100 ống 2ml	dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-25310-16	Chi nhánh Công ty CP DP TW Vidipha	Việt Nam	ống	1.980	998	2.000	1.996.000		1022101	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Trung Ương Vidipha
150	G1559	4	Comiaryl 2mg/500mg	Glimepirid + Metformin HCl	2mg + 500mg	Hộp 3 vi, 10 vi x 10 viên	viên nén bao phim	uống	36 tháng	VD-33885-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	3.000	2.478	19.167	47.495.826		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
151	G1563	4	GLUCOSE 10%	Glucose	10%/ 250ml	Thùng/30 chai x 250ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	24 tháng	VD-25876-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	11.500	9.870	20	197.400		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
152	G1565	4	GLUCOSE 5%	Glucose	5%/ 500ml	Thùng/20 chai x 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-28252-17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	12.500	6.740	10.000	67.400.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
153	G1566	4	Glucose 30%	Glucose	30%/ 5ml	Hộp 10 vi x 5 ống 5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD - 24900 - 16	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	1.350	966	100	96.600		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
154	G1573	4	Huyết thanh kháng noc rắn hổ đất (tinh chế (SAV)	Huyết thanh kháng noc rắn hổ đất	1000 LD50	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	QLSP-0776-14	Viên vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	465.731	423.150	100	42.315.000		1022095	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tường Khuê
155	G1574	4	Huyết thanh kháng noc rắn lục tre (tinh chế (SAV)	Huyết thanh kháng noc rắn lục tre	1000 LD50	Hộp 10 lọ x 1000 LD50/lọ	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	QLSP-0777-14	Viên vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	Lọ	465.675	423.150	100	42.315.000		1022095	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tường Khuê
156	G1575	4	Huyết thanh kháng độc tố uốn ván (tinh chế (SAT)	Huyết thanh kháng uốn ván	1500 UI	Hộp/20 ống, hai vi x 1500 đvạt	Dung dịch tiêm	Tiêm	24 tháng	QLSP-1037-17	Viên vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC)	Việt Nam	ống	31.592	25.263	100	2.526.300		1022095	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tường Khuê
157	G1577	4	Vinphason	Hydrocortison	100mg	Hộp 10 lọ + 10 ống dung môi alcol benzylc 0,9% 2ml	Thuốc tiêm bột đông khô	Tiêm	24 tháng	VD - 22248 - 15	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	13.860	5.656	660	3.732.960		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
158	G1582	4	Ibertain MR	Irbesartan	150mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén tác dụng kéo dài	Uống	36 tháng	VD-7792-09	Công ty TNHH Dược phẩm Vellpharm Việt Nam	Việt Nam	Viên	7.700	6.150	5.000	30.750.000		1022003	Công ty TNHH Dược Phẩm An
159	G1589	4	A.T Zinc	Kẽm gluconat	70mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén pha tán	Uống	24 tháng	VD-24740-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	730	158	17.208	2.718.864		1022004	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
160	G1590	4	Tozinax syrup	Kẽm sulfat	10mg/5ml, 100ml	Hộp 1 chai x 100ml	Siro	Uống	36 tháng	VD-30655-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Chai	29.925	14.574	1.717	25.023.558		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
161	G1591	4	Ketoconazol	Ketoconazol	2%/ 5g	Hộp 1 tub 5g	Kem bôi ngoài da	Dùng ngoài	36 tháng	VD-23197-15	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	5.000	3.100	592	1.835.200		1022052	Cty CP Dược Medipharco
162	G1595	4	LACBIOSYN®	Lactobacillus acidophilus	10^8 CFU	Hộp 100 gói	Thuốc bột	Uống	36 tháng	QLSP-851-15	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Gói	1.890	798	5.000	3.990.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
163	G1596	4	LACBIOSYN®	Lactobacillus acidophilus	10^8 CFU	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	QLSP-939-16	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	1.575	1.449	5.000	7.245.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
164	G1597	4	Lansoprazol	Lansoprazol	30mg	Chai 1000 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-21314-14	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	1.000	296	3.859	1.142.264		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
165	G1613	4	Pomatat	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 158mg	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	24 tháng	VD-22155-15	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	1.050	1.008	2.204	2.221.632		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
166	G1614	4	Varogel S	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd	800,4mg + 611,76mg	Hộp 20 gói 10ml	Hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VD-26519-17	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Gói	3.600	2.760	150.000	414.000.000		1022079	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo
167	G1615	4	LAHM	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	800mg + 611,76mg + 80mg	Hộp/20 gói x 15g	Hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VD-20361-13	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Gói	3.500	3.150	20.000	63.000.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
168	G1618	4	MAGNESI SULFAT KABI 15%	Magnesi sulfat	15%/ 10ml	Hộp/50 ống x 10ml	Dung dịch tiêm	Tiêm hoặc truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-19567-13	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	ống	2.900	2.835	1.000	2.835.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
169	G1625	4	Meloxicam	Meloxicam	7,5 mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-31741-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	450	82	200.000	16.400.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
170	G1628	4	DH-Metglu XR 500	Metformin HCl	500mg	Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 10 viên	Viên nén phóng thích kéo dài	uống	36 tháng	VD-31392-18	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.200	920	165.000	151.800.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
171	G1630	4	Hasanbest 500/5	Metformin HCl + Glipenclamid	500mg + 5mg	Hộp 2 vi, 8 vi x 15 viên	viên nén bao phim	uống	36 tháng	VD-32392-19	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	2.700	2.142	15.699	33.627.258		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
172	G1635	4	Vinsolon	Methyl prednisolon	40mg	Hộp 10 lọ bột đồng khô + 10 ống dung môi	Thuốc tiêm đồng khô	Tiêm	36 tháng	VD - 19515 - 13	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Lọ	23.500	6.050	650	3.932.500		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
173	G1636	4	Methylropa 250mg	Methylropa	250mg	Hộp 10 vi x 10 viên bao film	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-21013-14	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Viên	1.515	590	1.397	824.230		1022088	Công ty Cổ phần Traphaco
174	G1638	4	Vincomid	Metoclopramid HCl	10mg/ 2ml	Hộp 10 ống 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD - 21919 - 14	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	2.100	1.010	1.200	1.212.000		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
175	G1639	4	METRONIDAZOL KABI	Metronidazol	500mg/ 100ml	Hộp/48 chai x 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-26377-17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	14.400	5.489	1.000	5.489.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
176	G1640	4	Metronidazol 250mg	Metronidazol	250mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-22945-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	350	132	22.300	2.943.600		1022054	Công ty CPDP Minh Dân
177	G1644	4	HERAPROSTOL	Misoprostol	200mcg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-29544-18	Công ty TNHH sinh dược phẩm Hera	Việt Nam	Viên	4.700	3.445	5.000	17.225.000		1022076	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
178	G1650	4	Dismolan	N-acetylcystein	200mg/ 10ml	Hộp 20 ống x 10ml	Dung dịch uống	Uống	24 tháng	VD-21505-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ống	3.675	3.675	11.327	41.626.725		1022018	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
179	G1657	4	Natri Clorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	36 tháng	VD-29295-18	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Lọ	3.000	1.300	1.926	2.503.800		1022048	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
180	G1660	4	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%/ 500ml	Thùng/20 chai x 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-21954-14	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	10.000	6.220	7.930	49.324.600		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
181	G1662	4	Theresol	Natri clorid + Kali clorid + Natri citrat dihydrat + Glucose khan	(0,7g+ 0,3g + 0,58g+ 4g)/ 5,63 g	Hộp 20 gói x 5,63g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	36 tháng	VD-20942-14	Công ty cổ phần dược-vật tư y tế Thanh Hóa (Thephaco)	Việt Nam	Gói	1.800	1.700	50.000	85.000.000		1022093	Công ty TNHH Dược Phẩm Tư Đức
182	G1667	4	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	1,4%/ 500ml	Thùng/12 chai x 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-25877-16	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	40.000	40.000	8	320.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
183	G1669	4	MEPOLY	Neomycin + polymyxin sulfat B + dexamethason	(35mg + 100.000IU + 10mg)/ 10ml	Hộp 1 lọ 10ml	Dung dịch nhỏ mắt, mũi, tai	Nhỏ mắt/ mũi/ tai	36 tháng	VD-21973-14	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Merap	Việt Nam	Lọ	37.000	37.000	330	12.210.000		1022068	Công ty Cổ Phần Dược Pha Nam
184	G1675	4	Pecrandil 5	Nicorandil	5mg	Hộp 6 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-25180-16	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	3.500	1.785	5.000	8.925.000		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
185	G1677	4	Fascapin -10	Nifedipin	10mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-22524-15	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	viên	500	430	5.000	2.150.000		1022029	Công ty TNHH dược phẩm Gia Nguyễn
186	G1679	4	Nước cất pha tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	5ml	Hộp 50 ống x 5ml	Dung môi pha tiêm	Tiêm	48 tháng	VD-31299-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	ống	1.470	399	50.000	19.950.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
187	G1680	4	Nước cất tiêm	Nước cất pha tiêm	10ml	Hộp 50 ống 10ml	Thuốc tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-18797-13	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	ống	1.800	690	5.000	3.450.000		1022048	Công ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
188	G1688	4	Ofloxacin 0,3%	Ofloxacin	0,3% / 5ml	Hộp 20 lọ 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	24 tháng	VD-23602-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	7.300	2.200	196	431.200		1022054	Công ty CPDP Minh Dân
189	G1689	4	Ofloxacin	Ofloxacin	200mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-27919-17	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	700	314	20.000	6.280.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
190	G1693	4	Kagastine	Omeprazol	20mg	Chai 1000 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-33461-19	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	950	132	11.000	1.452.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
191	G1702	4	Papaverin 2%	Papaverin hydroclorid	40mg/ 2ml	Hộp 10 ống x 2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-26681-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ống	3.465	2.070	2.952	6.110.640		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha
192	G1703	4	Para-OPC 325mg	Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Hộp 20 gói x1,6g	Thuốc bột sủi bọt	Uống	36 tháng	VD-31143-18	Chi nhánh công ty CPDP OPC tại Bình Dương -Nhà máy Dược phẩm OPC	Việt Nam	Gói	2.940	1.600	14.000	22.400.000		1022048	Công Ty Cổ Phần Dược - Vật Tư Y Tế Kon Tum
193	G1704	4	Pamol	Paracetamol (acetaminophen)	120mg/5ml, 5ml	Hộp 20 ống 5ml	Hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VD-31623-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ống	4.200	1.790	1.000	1.790.000		1022018	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
194	G1705	4	Agimol 80	Paracetamol (acetaminophen)	80mg	Hộp 10; 30 gói	Thuốc cốm pha hỗn dịch uống	Uống	36 tháng	VD-26722-17	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm-Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm	Việt Nam	Gói	1.750	294	59.300	17.434.200		1022023	Công ty Cổ phần Dược -Vật tư Y tế Đắk Lắk
195	G1706	4	Paracetamol 10mg/ml	Paracetamol (acetaminophen)	1g/ 100ml	Túi 100ml, Chai 100ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	36 tháng	VD-33956-19	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed	Việt Nam	Túi, Chai	22.000	9.400	400	3.760.000		1022015	Công ty TNHH Dược Phẩm Châu Á - Thái Bình Dương
196	G1709	4	Biragan 150	Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Hộp 2 vi x 5 viên	Thuốc đạn	Đặt hậu môn	36 tháng	VD-21236-14	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	2.400	1.659	1.000	1.659.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
197	G1711	4	PARABEST	Paracetamol + chlorpheniramin	500mg + 2mg	Hộp/5 vi x 4 viên	Viên nén sủi bọt	Uống	24 tháng	VD-30006-18	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Ninh	Việt Nam	Viên	2.650	2.650	10.000	26.500.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
198	G1717	4	Garnotal	Phenobarbital	100mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24084-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	315	200	5.000	1.000.000		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha

STT	Mã số	Nhóm	Tên thuốc	Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Quy cách đóng gói	Dạng bào chế	Đường dùng	Hạn dùng	Số đăng ký	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú (*)	Mã nhà thầu	Tên công ty
199	G1718	4	Vitamin K1 10mg/1ml	Phytomenadion	10mg/ ml	Hộp 10 ống x 1 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-18191-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ống	5.000	1.495	1.000	1.495.000		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha
200	G1719	4	Vitamin K1 1mg/1ml	Phytomenadion (vitamin K1)	1mg/ml	Hộp 10 ống x 1 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-18908-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	ống	3.600	994	3.000	2.982.000		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha
201	G1721	4	Agicetam 800	Piracetam	800mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-25115-16	CN Công ty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	1.400	357	30.000	10.710.000		1022001	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Agimexpharm
202	G1727	4	Hydrocolacyl	Prednisolon	5mg	Chai 1000 viên	Viên nén dài	Uống	36 tháng	VD-19386-13	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	300	89	195.000	17.355.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
203	G1732	4	Beynit 5	Ramipril	5mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nang cứng	Uống	36 tháng	VD-35020-21	Công ty cổ phần dược phẩm Mẹ Di Sun	Việt Nam	Viên	3.600	2.142	5.000	10.710.000		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
204	G1735	4	RINGER LACTATE	Ringer Lactat	500ml	Thùng/20 chai x 500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch	36 tháng	VD-22591-15	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	10.500	6.687	8.855	59.213.385		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
205	G1737	4	MICEZYM 100	Saccharomyces boulardii	2,26 x 10 ⁹ CFU	Hộp 30 gói x 1,0 g	Thuốc bột	uống	24 tháng	QLSP-947-16	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm	Việt Nam	gói	4.700	4.116	5.000	20.580.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
206	G1739	4	Atisalbu	Salbutamol sulfat	2mg/5ml; 100ml	Chai 100ml	Dung dịch uống	Uống	36 tháng	VD-25647-16	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Chai	30.000	29.965	1.000	29.965.000		1022020	Công ty cổ phần Dược - Thiết bị y tế Đà Nẵng
207	G1740	4	Atisalbu	Salbutamol sulfat	2mg/5ml, 5ml	Hộp 30 ống x 5ml	Dung dịch uống	Uống	36 tháng	VD-25647-16	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ống	4.400	3.885	1.000	3.885.000		1022006	Công ty TNHH Dược Phẩm AT & C
208	G1741	4	Vinsalmol	Salbutamol sulfat	2,5mg/ 2,5ml	Hộp 5 vi x 10 ống x 2,5ml	Dung dịch khí dung	Khí dung	36 tháng	VD - 23730 - 15	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	4.500	4.410	2.000	8.820.000		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
209	G1742	4	Zensalbu nebulas 5.0	Salbutamol sulfat	5mg/2,5ml	Hộp 10 ống x 2,5ml	Dung dịch dùng cho khí dung	Hít qua máy khí dung	36 tháng	VD-21554-14	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	ống	8.500	8.400	2.000	16.800.000		1022018	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội
210	G1746	4	Bidiferon	Sắt sulfat + acid folic	50mg+ 0,35mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-31296-18	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Viên	840	465	20.000	9.300.000		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
211	G1749	4	Simvastatin 20	Simvastatin	20mg	Hộp 03 vi, 05 vi, 10 vi, 50 vi, 100 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-35654-22	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	2.000	288	12.888	3.711.744		1022052	Cty CP Dược Medipharco
212	G1751	4	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Hộp 20 gói x 5g	Thuốc bột pha dung dịch uống	Uống	24 tháng	VD-25582-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Gói	900	470	8.915	4.190.050		1022024	Công ty Cổ phần Dược Danapha
213	G1755	4	Sulfadiazin bạc	Sulfadiazin bạc	1%/20g	Hộp 1 tube 20g	Kem bôi da	Dùng ngoài	36 tháng	VD-28280-17	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Tube	23.000	20.500	100	2.050.000		1022052	Cty CP Dược Medipharco
214	G1756	4	Trimexazol	Sulfamethoxazol + trimethoprim	(200mg+40mg)/ 5ml, lo 60ml	Hộp 1 chai 60ml	Hỗn dịch uống	Uống	24 tháng	VD-31697-19	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt nam	Viên	32.000	21.840	1.000	21.840.000		1022082	Công ty TNHH dược phẩm Tân An
215	G1757	4	Cotrimoxazol 480mg	Sulfamethoxazol + trimethoprim	400mg+ 80mg	Hộp 20 vi x 20 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VD-24799-16	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	700	219	133.533	29.243.727		1022054	Công ty CPDP Minh Dân
216	G1766	4	Sunigam 100	Tiaprofenic acid	100mg	Hộp 3 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	24 tháng	VD-28968-18	Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm	Việt Nam	Viên	5.500	5.000	11.164	55.820.000		1022093	Công ty TNHH Dược Phẩm Tự Đức
217	G1770	4	Tinidazol	Tinidazol	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-22177-15	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	990	370	38.000	14.060.000		1022046	Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa
218	G1771	4	Tiram	Tiropamid hydroclorid	100mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-25015-16	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo	Việt Nam	Viên	1.600	980	200.000	196.000.000		1022079	Công ty TNHH DP Shinpoong Daewoo
219	G1772	4	Tobramycin 0,3%	Tobramycin	0.3%/ 5ml	Hộp 20 lọ 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	24 tháng	VD-27954-17	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Lọ	14.500	2.719	130	353.470		1022054	Công ty CPDP Minh Dân
220	G1773	4	Tobidex	Tobramycin + dexamethason natri phosphat	(15mg+5mg)/ 5ml	Hộp 1 lọ 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	36 tháng	VD-28242-17	Công ty cổ phần Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)	Việt Nam	Lọ	21.000	6.720	140	940.800		1022012	Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar)
221	G1787	4	Ceteconeurovit Fort	Vitamin B1 + B6 + B12	250mg + 250mg + 1000mcg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	36 tháng	VD-28168-17	Công ty cổ phần dược trung ương 3	Việt Nam	Viên	4.200	1.050	100.000	105.000.000		1022090	Công ty cổ phần dược trung ương 3
222	G1790	4	Vitamin 3B extra	Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 100mg + 150mcg	Hộp 1 túi 10 vi x 10 viên	Viên nén bao film	Uống	36 tháng	VD-31157-18	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	1.150	900	400.000	360.000.000		1022073	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
223	G1793	4	Magnesi B6	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Hộp 10 vi x 10 viên, 50 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	60 tháng	VD-30758-18	Cty CP Dược Medipharco	Việt Nam	Viên	800	120	77.419	9.290.280		1022052	Cty CP Dược Medipharco
224	G1794	4	Neurixal	Vitamin B6 + magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Hộp 1 tuyp x 20 viên	viên nén sủi bọt	uống	24 tháng	VD-28552-17	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1.850	1.848	10.000	18.480.000		1022102	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
225	G1795	4	Vitamin C 500mg	Vitamin C	500mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao film	Uống	24 tháng	VD-25768-16	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	325	178	100.000	17.800.000		1022073	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình
226	G1800	5	Troysar AM	Amlodipin besilat + Losartan kali	5mg +50mg	H/10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim	Uống	24 tháng	VN-11838-11	Troika Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	5.200	5.145	6.000	30.870.000		1022016	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Codupha
227	G1805	5	GLIZYM-M	Gliclazid + Metformin hydroclorid	80mg + 500mg	Hộp 20 vi x 10 viên	Viên nén	Uống	36 tháng	VN3-343-21	M/s Panacea Biotec Pharma Ltd.	ấn Độ	Viên	3.360	3.300	10.000	33.000.000		1022031	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
228	G1806	5	Atithios inj	Hyoscin butylbromid	20mg/ ml	Hộp 10 ống x 1 ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD-31598-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	ống	8.190	3.780	2.000	7.560.000		1022004	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
229	G1808	5	Lidonalin	Lidocain HCl + epinephrin (adrenalin)	(36mg+ 0,018mg) / 1,8ml	Hộp 2 vi x 5 ống x 1,8ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	36 tháng	VD - 21404 - 14	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	ống	4.830	4.410	500	2.205.000		1022105	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc
230	G1815	5	Encorate	Valproat Natri	200mg	Hộp 10 vi x 10 viên	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống	36 tháng	VN-16379-13	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Viên	850	550	200	110.000		1022038	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Vũ

Tổng số mặt hàng: 230

(*): Ngày hết hạn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP, ngày hết hạn PIC/s-GMP

Tổng giá trị: 9.922.486.573